

Bản án số: 15/2021/DS-ST

Ngày: 01.11.2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Nhàn
2. Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST.DS ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐ-STDS ngày 13 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP Đ

Trụ sở chính: 130 đường P, phường, Quận P, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T, Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T, Tổng giám đốc

Người được ủy quyền: Ông Trần Đình T, Giám đốc phòng giao dịch P

Địa chỉ: Số 1558 đường H, phường T, Tp.Q, tỉnh Bình Định.

Người được ủy quyền lại: Anh Đặng Hoàng Â, Nhân viên PTKD (có mặt)

Theo các văn bản ủy quyền: Quyết định số 41/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24.01.2019, Quyết định số 223/QĐ-DAB-PC ngày 19.3.2019 và Quyết định số 25/QĐ-PH ngày

02/11/20220.

* **Bị đơn:** Bà Phan Thị Thu V, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 61 đường B, khu vực N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phan Minh P, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 61 đường B, khu vực N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người được ủy quyền anh Đặng Hoàng Á trình bày: Vào ngày 28/3/2016, bà Phan Thị Thu V (hội viên hội liên hiệp phụ nữ phường Đ) đã đăng ký vay tiền trả góp tại Ngân hàng TMCP Đ, chi nhánh B- phòng giao dịch P số tiền vay gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng từ ngày 28/3/2016 đến ngày 28/3/2017, lãi suất vay 11%/năm (lãi suất tính trên dư nợ ban đầu). Tổng cộng tiền gốc lãi phải trả là 11.100.000 đồng, trả theo phương thức trả tiền gốc lãi hàng tháng, 11 tháng đầu mỗi tháng trả 1.000.000 đồng, tháng cuối trả 100.000đ. Tuy nhiên trong quá trình vay thời gian từ ngày 28/3/2016 đến ngày 28/3/2017 bà V chỉ trả số tiền 7.800.000 đồng (trong đó trả tiền vay gốc là 6.911.538 đồng, tiền lãi là 888.462 đồng), sau đó bà V không trả nợ cho Ngân hàng, khoản vay trên đã quá thời hạn thanh toán, mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo trả nợ nhưng bà V vẫn không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Phan Thị Thu V có nghĩa vụ hoàn trả tiền vay gốc còn nợ là 3.088.462 đồng, tiền lãi trong hạn 211.538 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01.11.2021 là 2.634.580 đồng, tổng cộng 5.934.580 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 01.11.2021 cho đến khi thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy vay tiền kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2016.

* Theo biên bản ghi lời khai bị đơn bà Phan Thị Thu V trình bày: Vào năm 2016 thông qua tổ vay khu vực N, phường Đ, thị xã An Nhơn bà có vay của Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B- phòng giao dịch P số tiền vay gốc 10.000.000đ, lãi suất theo hợp đồng vay, bà không nhớ là bao nhiêu. Hằng tháng nộp tiền gốc, lãi qua tổ trưởng tổ vay rồi ký trong sổ của tổ trưởng chứ tổ trưởng không viết phiếu thu hoặc giấy biên nhận nộp tiền. Bà xác định đã trả tiền gốc cho Ngân hàng là 6.900.000đ, còn tiền lãi bà không nhớ là trả bao nhiêu, do bà không có chồng ở chung nhà với em trai tên Phan Minh P nên khi bà vay tiền thì P đứng ra ký bảo lãnh cho bà. Bà xác định khoản vay trên do bà vay sử dụng cá nhân bán bánh xèo chứ P không có sử dụng khoản tiền này và hiện tại P đang bị bệnh u gan nên số tiền vay gốc lãi nợ Ngân hàng thì bà sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, hiện tại do bà bị gãy chân chưa đi làm được, khi nào làm có tiền bà sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

* Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, và các văn bản tố tụng khác theo

đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh P không đến Tòa án trình bày và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự, Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức các tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 7 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, tuyên buộc bà Phan Thị Thu V có nghĩa vụ trả một lần cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 5.934.580 đồng (trong đó tiền gốc là 3.088.462 đồng, tiền lãi vay trong hạn là 211.538 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.634.580 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/11/2021) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bà V còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã thỏa thuận ký.

2. Án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Thu V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phan Minh P vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà V, ông P.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các chứng do Ngân hàng TMCP Đ cung cấp thì vào ngày 28.3.2016 bà Phan Thị Thu V thực hiện việc vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B- phòng giao dịch P theo hình thức tín chấp trả góp vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng từ ngày 28/3/2016 đến ngày 28/3/2017, lãi suất vay 11%/năm, lãi quá hạn tính 150% lãi trong hạn. Tổng tiền vay gốc và tiền lãi phải trả cho Ngân hàng là 11.100.000đ (trong đó tiền vay gốc 10.000.000đ, tiền lãi 1.100.000đ) trả nợ theo

phương thức trả tiền gốc và tiền lãi hàng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000đ, tháng cuối cùng trả 100.000đ. Việc vay tiền được các bên tham gia ký kết hoàn toàn tự nguyện và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật về giao dịch dân sự, tuy nhiên trong quá trình thực hiện thì bà Phan Thị Thu V vi phạm về nghĩa vụ trả nợ, mặc dù Ngân hàng nhiều lần thông báo về việc trả nợ nhưng bà V vẫn không thực hiện, để đảm bảo quyền quyền lợi nên Ngân hàng TMCP Đ thực hiện việc khởi kiện là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Thu V xác định vào năm 2016 có thực hiện vay tiền tại Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh B- phòng giao dịch P thông qua tổ vay phụ nữ phường Đ vay số tiền 10.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 11%/năm và bà đã tiền vay gốc 6.900.000đ là hoàn toàn phù hợp với đơn khởi kiện, lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Bà V xác định ông Phan Minh P là em ruột chung sống chung nhà do bà không có chồng nên ông P đã ký tên với tư cách người bảo lãnh trong khế ước vay tiền với Ngân hàng. Tuy nhiên Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn đã thông báo cho ông Phan Minh P biết về việc Tòa án thụ lý vụ án do Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông P không đến Tòa để trình bày ý kiến yêu cầu, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông P phản đối về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bà Phan Thị Thu V hoàn trả tiền còn nợ gồm tiền vay gốc 3.088.462 đồng, tiền lãi trong hạn 211.538 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01.11.2021 là 2.634.580 đồng, tổng cộng 5.934.580 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 01.11.2021 cho đến khi thực trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy vay tiền kiêm khế ước nhận nợ. Đại diện Ngân hàng chỉ yêu cầu bà Phan Thị Thu V chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không yêu cầu ông Phan Minh P cùng trả nợ nên ghi nhận

[2.4] Xét yêu cầu của nguyên đơn và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bà Phan Thị Thu V chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc là 6.911.538 đồng và tiền lãi 888.462 đồng, tổng cộng 7.800.000 đồng, kể từ ngày 29.3.2017 cho đến nay bà V không thanh toán thêm bất cứ khoản tiền nào mặc dù Ngân hàng TMCP Đ đã nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán. Việc bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo giấy cam kết vay tiền đã ký kết giữa hai bên làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng TMCP Đ trong việc thu hồi nợ. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V thanh toán tiền vay gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn còn nợ là có căn cứ pháp luật nên chấp nhận buộc bà Phan Thị Thu V có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc 3.088.462 đồng, tiền lãi trong hạn 211.538 đồng, tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01.11.2021 là 2.634.580 đồng, tổng cộng 5.934.580đ (năm triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi đồng).

[2.5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm: Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về

việc áp dụng lãi suất, điều chỉnh lãi suất của ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm thì “Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. Nên buộc bà Phan Thị Thu V phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2016 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà V phải chịu án phí là 300.000 đồng, Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 463 Bộ luật dân sự; Án Lệ số 08/2016AL ngày 14/10/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; các Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức các tín dụng năm 2010; Điều 7 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 11.01.2019 của Hội đồng thẩm phán về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ

2/ Buộc bà Phan Thị Thu V có nghĩa vụ trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền vay gốc 3.088.462 đồng, tiền lãi trong hạn 211.538 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 01.11.2021 là 2.634.580 đồng, tổng cộng 5.934.580đ (năm triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi đồng).

3/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01.11.2021) bà Phan Thị Thu V còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức

lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 28/3/2016 cho đến khi trả hết nợ gốc.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004760 ngày 07.4.2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ